

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán viên	3 - 4
3. Bảng cân đối kế toán	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
6. Ghi chú báo cáo tài chính	9 - 22



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009.

1. Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Cự	Chủ tịch
Ông Lê Hữu Phú	Phó chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thiên	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Tôn Thất Lâm Khánh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thiên Chương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thiện Tâm	Thành viên

2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Thiên	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thiên Chương	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03/02/2009)
Bà Lâm Thị Ngọc Thảo	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/4/2009)

3. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Công ty đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thiên

Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 02 năm 2010



Số: 90 /BCKT

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp các với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Cùng với việc không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thông tin như đã nêu tại ghi chú 4 phần ghi chú báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2009, khoản đầu tư của Công ty vào các cổ phiếu chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán là 145.821.311.000 đồng, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với các chứng khoán này do không xác định được giá tham khảo tại ngày lập báo cáo tài chính.



Nguyễn Lương Nhân

Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182/KTV

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A

Tp. HCM, ngày 12 tháng 02 năm 2010

Nguyễn Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0985/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	31/12/2009	31/12/2008
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		243.494.110.502	125.420.990.905
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	8.011.493.222	75.300.217.935
1. Tiền	111		3.011.493.222	75.300.217.935
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.03	22.625.894.783	9.111.883.400
1. Đầu tư ngắn hạn	121		23.661.851.423	16.717.817.420
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.035.956.640)	(7.605.934.020)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.04	197.267.369.051	34.473.222.752
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		2.017.844.686	848.909.172
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	134		100.995.782.044	-
5. Các khoản phải thu khác	138		94.253.742.321	33.624.313.580
IV. Hàng tồn kho	140		-	579.162.179
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.589.353.446	5.956.504.639
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05	976.992.589	234.758.197
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		-	1.944.696
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	14.612.360.857	5.719.801.746
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		182.617.379.973	178.020.292.423
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		10.970.635.529	13.586.711.088
1. TSCĐ hữu hình	221	V.07	10.754.289.413	13.189.717.631
- Nguyên giá	222		17.010.991.155	15.469.224.377
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.256.701.742)	(2.279.506.746)
2. TSCĐ vô hình	227	V.08	216.346.116	396.993.457
- Nguyên giá	228		684.239.501	518.990.270
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(467.893.385)	(121.996.813)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.03	169.542.459.172	162.396.247.000
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		100.887.208.490	99.616.675.000
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		100.887.208.490	99.616.675.000
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258		72.345.496.682	68.202.336.000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3.690.246.000)	(5.422.764.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.104.285.272	2.037.334.335
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		583.055.607	-
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.09	181.879.065	120.147.408
4. Tài sản dài hạn khác	264	V.10	1.339.350.600	1.917.186.927
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		426.111.490.475	303.441.283.328



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	31/12/2009	31/12/2008
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		99.958.357.715	2.867.951.528
I. Nợ ngắn hạn	310		99.958.357.715	2.867.951.528
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	38.700.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		746.768	289.694.425
3. Người mua trả tiền trước	313		120.000.000	47.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	3.042.415.074	69.342.159
5. Phải trả người lao động	315		-	277.518.333
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		-	2.051.353.662
9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		656.977.100	64.920.000
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	V.13	57.438.218.773	68.122.949
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. Nguồn vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		326.153.132.760	300.573.331.800
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	326.153.132.760	300.573.331.800
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	420		26.153.132.760	573.331.800
II. Quỹ khen thưởng phúc lợi	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		426.111.490.475	303.441.283.328

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
6. Chứng khoán lưu ký	006	22.773.296	42.784.960.000
Trong đó:			
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	104.889	5.460.650.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	22.644.540	37.185.640.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	23.867	138.670.000
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	23.100	-
7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	23.100	



Lê Huyền Trân
Kế toán trưởng

Ngày 12 tháng 02 năm 2010



Nguyễn Văn Thiên
Tổng Giám đốc

Ghi chú kèm theo từ trang 09 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu	01	V.15	44.653.684.606	47.086.387.583
Bao gồm				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		10.464.964.372	1.298.604.929
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		27.883.073.075	38.981.020.000
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		315.500.000	-
- Doanh thu khác	01.9		5.990.147.159	6.806.762.654
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		44.653.684.606	47.086.387.583
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	V.16	70.283.874	44.725.207.326
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		44.583.400.732	2.361.180.257
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.17	14.647.877.661	11.369.619.194
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.935.523.071	(9.008.438.937)
8. Thu nhập khác	31	V.18	751.162.300	9.720.227.745
9. Chi phí khác	32		215.503.594	138.457.008
10. Lợi nhuận khác	40		535.658.706	9.581.770.737
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.471.181.777	573.331.800
12. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	4.891.380.817	-
13. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		25.579.800.960	573.331.800
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		852,66	19,11



Lê Huyền Trân

Kế toán trưởng

Ngày 12 tháng 02 năm 2010



Nguyễn Văn Thiên

Tổng Giám đốc

Ghi chú kèm theo từ trang 09 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	30.471.181.777	573.331.800
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.323.091.568	2.401.503.559
Các khoản dự phòng	03	(8.302.495.380)	13.028.698.020
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(2.520.434.250)	-
Chi phí lãi vay	06	1.748.967.237	1.112.222
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	25.720.310.952	16.004.645.601
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(171.168.656.044)	(41.454.895.802)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	579.162.179	(579.162.179)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	55.462.703.561	2.869.896.224
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(1.325.289.999)	(1.012.165.924)
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.748.967.237)	(1.112.222)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.963.678.191)	(1.944.696)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động kinh doanh	20	(94.444.414.779)	(24.174.738.998)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.707.016.009)	(15.988.214.647)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(45.810.953.172)	(184.536.828.420)
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		(35.397.259.000)	(16.717.817.420)
- Đầu tư chứng khoán dài hạn		(5.413.694.172)	(164.304.193.000)
- Đầu tư dài hạn khác		(5.000.000.000)	(3.514.818.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	33.453.224.997	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.520.434.250	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(57.355.263.106)	(200.525.043.067)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	300.000.000.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	38.700.000.000	2.200.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(2.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động tài chính	40	38.700.000.000	300.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	75.300.217.935	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	8.011.493.222	75.300.217.935

Lê Huyền Trân

Kế toán trưởng

Ngày 12 tháng 02 năm 2010



Nguyễn Văn Thiên

Tổng Giám đốc

Ghi chú kèm theo từ trang 09 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

Bảng chi chú này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động Số 67/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 148/UBCK-GP ngày 28/8/2008. Vốn điều lệ của Công ty theo giấy phép là 300.000.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

4. Tên giao dịch và trụ sở

Công ty có tên giao dịch tiếng Anh là Beta Securities Incorporation;
Trụ sở đặt tại số 16 Nguyễn Trường Tộ, quận 4, Tp.HCM.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta - Chi nhánh Hà Nội

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính của Công ty đã được dịch sang tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh.

2. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán như sau (theo nội dung Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính):

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải thu dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải trả dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

4. Đầu tư vào chứng khoán

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán đều được ghi nhận theo giá vốn, tức giá mua hợp lý của khoản đầu tư, kể cả các chi phí liên quan đến khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán chưa được niêm yết do chưa xác định được một cách chắc chắn cơ sở lập dự phòng của chúng nên Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá đối với các loại chứng khoán này.

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

4. Đầu tư vào chứng khoán (tiếp theo)

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận giá gốc vào ngay giao dịch. Các chứng khoán sau đó được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị thị trường và giá gốc. Bất kì khoản giảm giá hoặc tổn thất ước tính nào của những loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản cổ tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư tài chính dài hạn được tục hạch toán theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá nếu có. Các khoản trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với các khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với các khoản lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định là trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Đối với chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng kí giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với chứng khoán vốn của công ty chưa đăng kí giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu 03 công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Đối với chứng khoán vốn của công ty chưa đăng kí giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) và cũng chưa được giao dịch phổ biến trên thị trường, dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế mà công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các

5. Nguyên tắc đánh giá chứng khoán

Chứng khoán tự doanh mua vào được ghi nhận theo giá mua thực tế. Giá vốn chứng khoán tự doanh khi bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán đối với số dư các khoản phải thu tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng giảm dự phòng được ghi nhận vào chi phí hoặc thu nhập trong kỳ.

7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 10 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận chuyển	2 - 10 năm
Thiết bị quản lý	2 - 5 năm

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán và các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao trong thời gian là 3 năm.

9. Lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương chi trả cho người lao động và trích lập vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cũng được trích lập với tỷ lệ là 20% và 3% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 17% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong kỳ; và 6% sẽ được trích từ lương của người lao động và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên.

10. Chi phí phải trả

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản liên quan.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.



11. Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

12. Phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Khi có thể xác định được kết quả cung cấp dịch vụ theo hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận vào mức độ hoàn thành dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu cổ tức được ghi nhận khi cổ tức đã nhận hoặc quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Các khoản lỗ sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển sang các năm sau.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục và nghiệp vụ trong Báo cáo tài chính

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2009	31/12/2008
Tiền mặt	63.765.013	31.774.900.416
Tiền gửi ngân hàng	6.132.127.752	40.492.612.045
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	1.788.211.824	1.927.265.157
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	27.388.633	1.105.440.317
<i>Trong đó: tiền gửi của Công ty Chứng khoán</i>	<i>1.789.442</i>	<i>918.968.462</i>
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư</i>	<i>25.599.191</i>	<i>186.471.855</i>
Khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	-
	8.011.493.222	75.300.217.935

(*) Khoản tiền gửi tại Ngân hàng Liên Việt - Chi nhánh Tân Bình tháng theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 974/2009/HĐTGKH/LVBTB với kỳ hạn 03 tháng, lãi suất 10,27%/năm.

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (Cổ phiếu)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (đồng)
a) Cửa Công ty chứng khoán	1.154.330	41.798.119.000
- Cổ phiếu	1.154.330	41.798.119.000
b) Cửa nhà đầu tư	149.274.869	6.094.571.285.300
- Cổ phiếu	149.274.869	6.094.571.285.300
Tổng cộng	150.429.199	6.136.369.404.300

3. Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	So với giá trị trường	Tổng giá trị theo giá trị trường (đồng)
a. Chứng khoán thương mại	104.889	2.658.351.423	1.035.956.640	1.622.394.783
b. Chứng khoán đầu tư	6.363.642	116.890.708.490	3.690.246.000	113.200.462.490
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	6.363.642	116.890.708.490	3.690.246.000	113.200.462.490
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
c. Đầu tư góp vốn				
- Đầu tư vào Công ty con	-	-	-	-
-Vốn góp liên doanh, liên kết	-	-	-	-
d. Đầu tư tài chính khác	3.220.000	72.345.496.682	-	72.345.496.682
e. Đầu tư ngắn hạn khác		5.000.000.000	-	5.000.000.000
Tổng cộng	11.266.043	196.894.556.595	4.726.202.640	192.168.353.955

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

3. Tình hình đầu tư tài chính (tiếp theo)

a. Chứng khoán thương mại

Chứng khoán thương mại bao gồm các chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

b. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Là các chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán, được Công ty nắm giữ nhằm mục đích sẵn sàng để bán, bao gồm các chứng khoán:

	Số lượng (CP)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Việt Hà	100.000 (*)	2.000.000.000	0,93%
Công ty Cổ phần Vinamit	532.500 (*)	21.299.850.000	8,87%
Ngân hàng TMCP Gia Định	1.832.817	19.271.733.490	1,80%
Công ty Cổ phần Ô tô Đô Thành	1.300.000 (*)	13.000.000.000	7,22%
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế C.S.Q	2.000.000 (*)	20.000.000.000	11,11%
Công ty Cổ phần Thời trang Việt (Ninomaxx)	151.875 (*)	5.315.625.000	3,50%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	60.000 (*)	1.797.000.000	0,02%
Công ty Cổ phần Truyền thông APH	256.250 (*)	7.687.500.000	
Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	20.000 (*)	1.140.000.000	
Công ty Cổ phần Fideco	10.000 (*)	479.000.000	
Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Xây dựng và Hạ tầng Đô thị Hoàng An	100.000	4.900.000.000	
Quỹ Y tế Bản Việt (chứng chỉ quỹ)	200	20.000.000.000	4,00%
Cộng	<u>6.363.642</u>	<u>116.890.708.490</u>	
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(**)	3.690.246.000	
Giá trị thuần các khoản đầu tư dài hạn		<u>113.200.462.490</u>	

(**): Bao gồm:

	Số lượng	Giá trị sổ sách	Giá trị trường	Dự phòng
Ngân hàng TMCP Gia Định	1.832.817	19.271.733.490	15.581.487.490	3.690.246.000
	<u>1.832.817</u>	<u>19.271.733.490</u>	<u>15.581.487.490</u>	<u>3.690.246.000</u>

	Số lượng (CP)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
d. Đầu tư tài chính khác			
Góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Phú Gia	1.620.000 (*)	40.830.678.682	18,00%
Góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Liên Minh	1.000.000 (*)	15.000.000.000	0,10%
Góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng KCN Vĩnh Lộc - Bến Lức	600.000 (*)	9.000.000.000	10,00%
Góp vốn vào Công ty Viễn thông Đô Thành	- (*)	4.000.000.000	
Góp vốn đầu tư vào dự án căn hộ Hoàng Anh Gia Lai	- (*)	3.514.818.000	
Cộng	<u>3.220.000</u>	<u>72.345.496.682</u>	

Tại ngày 31/12/2009, Công ty chưa hoàn tất các thủ tục để đứng tên sở hữu khoản đầu tư góp vốn tại Công ty Cổ phần Phú Gia.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

3. Tình hình đầu tư tài chính (tiếp theo)

(*) Tại ngày 31/12/2009, Công ty không đánh giá lại danh mục các chứng khoán chưa niêm yết theo giá trị trường với tổng giá trị đầu tư là 145.821.311.000 đồng do không xác định được giá tham chiếu, do vậy các chứng khoán này được trình bày trên cơ sở giá gốc.

Theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 8845/2009/HĐCCĐS-NHNA ngày 18/9/2009, các cổ phiếu gồm 1.832.817 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Gia Định được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Nam Á được thuyết minh tại ghi chú 11.

Theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 0148/CC-2009, 0148/CC-2009 và 0148/CC-2009 ngày 06/8/2009, danh mục các cổ phiếu bao gồm 532.500 cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinamid, 100.000 cổ phiếu công ty CP Nước giải khát Việt Hà, 1.000.000 cổ phiếu Công ty CP Liên Minh, 1.300.000 cổ phiếu Công ty CP Ô tô Đô Thành, 1.500.000 cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Quốc tế C.S.Q, 200 chứng chỉ quỹ của Quỹ đầu tư Chứng khoán Bản Việt, 151.875 cổ phiếu Công ty CP Thời trang Việt được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Gia Định được thuyết minh tại ghi chú 11.

4. Các khoản phải thu

	31/12/2009	31/12/2008
Trả trước cho người bán	2.017.844.686	848.909.172
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	100.995.782.044	-
Phải thu khác (*)	94.253.742.321	33.624.313.580
Cộng các khoản phải thu	197.267.369.051	34.473.222.752
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần các khoản phải thu	197.267.369.051	34.473.222.752

(*) Bao gồm:

Phải thu hoạt động repo chứng khoán	42.437.670.000	29.470.000.000
Phải thu hợp tác đầu tư	2.000.000.000	-
Phải thu về ủy thác đầu tư	49.804.018.321	-
Ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	-	4.151.237.080
Phải thu khác	12.054.000	3.076.500
	94.253.742.321	33.624.313.580

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm 2009	Năm 2008
Tại ngày 01 tháng 01	234.758.197	-
Tăng trong năm	2.764.225.610	3.354.388.521
Phân bổ vào chi phí trong năm	2.021.991.218	3.119.630.324
Tại ngày 31 tháng 12	976.992.589	234.758.197

Chi phí trả trước ngắn hạn được phân bổ nhất quán vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

6. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2009	31/12/2008
Tạm ứng (*)	14.612.360.857	5.719.801.746
Cộng	14.612.360.857	5.719.801.746

(*) Bao gồm các khoản tạm ứng cho mục đích:

Tạm ứng nghiệp vụ chứng khoán	11.938.223.700	5.119.775.000
Tạm ứng mua và sửa chữa tài sản cố định	548.727.000	548.727.000
Tạm ứng hành chính và mục đích cá nhân	2.125.410.157	51.299.746
Cộng	14.612.360.857	5.719.801.746

7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Tại ngày 01/01/09	6.344.331.584	3.351.323.399	1.322.538.380	4.451.031.014	15.469.224.377
Tăng trong năm	116.582.400	396.721.560	-	1.028.462.818	1.541.766.778
Thanh lý, bán	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/09	6.460.913.984	3.748.044.959	1.322.538.380	5.479.493.832	17.010.991.155
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/09	451.783.973	550.622.706	71.586.532	1.205.513.535	2.279.506.746
Khấu hao trong năm	724.011.323	701.141.829	791.743.519	1.760.298.325	3.977.194.996
Thanh lý, bán	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/09	1.175.795.296	1.249.264.532	863.330.051	2.965.811.860	6.256.701.742
Giá trị còn lại					
Tại ngày 31/12/08	5.892.547.611	2.800.700.693	1.250.951.848	3.245.517.479	13.189.717.631
Tại ngày 31/12/09	5.285.118.688	2.498.780.427	459.208.329	2.513.681.972	10.754.289.413

8. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Phần mềm kế toán	Website	Tài sản khác	Cộng
Tại ngày 01/01/09	276.555.320	168.955.500	73.479.450	518.990.270
Tăng trong năm	-	-	165.249.231	165.249.231
Thanh lý, bán	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/09	276.555.320	168.955.500	238.728.681	684.239.501
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/09	45.132.833	51.625.288	25.238.692	121.996.813
Khấu hao trong năm	121.017.128	61.892.561	162.986.883	345.896.572
Thanh lý, bán	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/09	166.149.961	113.517.849	188.225.575	467.893.385

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

8. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Giá trị còn lại

Tại ngày 31/12/08	231.422.487	117.330.212	48.240.758	396.993.457
Tại ngày 31/12/09	110.405.359	55.437.651	50.503.106	216.346.116

9. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Năm 2009	Năm 2008
Tại ngày 01 tháng 01	120.147.408	-
Tiền nộp bổ sung	57.666.790	120.000.000
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	4.064.867	147.408
Tại ngày 31 tháng 12	181.879.065	120.147.408

10. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2009	31/12/2008
Các khoản ký quỹ	1.339.350.600	1.139.779.200
Chi phí trước hoạt động	-	777.407.727
	1.339.350.600	1.917.186.927

11. Vay ngắn hạn

	Số dư nợ vay đầu	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư nợ vay
Ngân hàng TMCP Liên Việt - CN Tân Bình	-	8.700.000.000	-	8.700.000.000
Ngân hàng TMCP Gia Định	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
	-	38.700.000.000	-	38.700.000.000

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt - Chi nhánh Tân Bình theo hợp đồng tín dụng số 160009TB-CCTG ngày 25/9/2009 và hợp đồng số 216309/TB-HĐTD ngày 30/12/2009 với tổng số dư nợ là 8.700.000.000 đồng, thời hạn vay 84 ngày, lãi suất 12%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng được trình bày tại ghi chú 1 và chứng từ kỳ hạn 12 tháng được trình bày tại ghi chú 3.

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Gia Định theo hợp đồng tín dụng số 0224/TD-09 ngày 06 tháng 8 năm 2009 với hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 đồng, số dư nợ là 20.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 12%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng các cổ phiếu nêu tại ghi chú 3 và 500.000 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Nam Á.

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á theo hợp đồng tín dụng số 8845/2009/HĐTDHM-NHNA ngày 18 tháng 9 năm 2009 với số dư nợ là 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 0,875%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các cổ phiếu nêu tại ghi chú 3.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

12. Thuế và các khoản phải nộp	31/12/2009	31/12/2008
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.927.702.626	-
Thuế thu nhập cá nhân	114.712.448	69.342.159
	3.042.415.074	69.342.159

13. Các khoản phải trả khác	31/12/2009	31/12/2008
Phải trả thu hộ tiền góp vốn vào Công ty CP Viễn Thông Đô Thành	12.250.643.642	-
Phải trả hoạt động cầm cố chứng khoán của nhà đầu tư	39.607.888.071	-
Phải trả cho Bà Phạm Thị Yên Hà	4.000.000.000	-
Phải trả khác	1.429.388.214	53.636.999
Tài sản thừa chờ xử lý	115.195.154	-
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT	35.103.692	14.485.950
	57.438.218.773	68.122.949

14. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	573.331.800	25.579.800.960	-	26.153.132.760
	300.573.331.800	25.579.800.960	-	326.153.132.760

a. Cổ phiếu

	Năm 2009	Năm 2008
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu thường	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu thường	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

c. Danh sách cổ đông góp vốn

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 300.000.000.000 đồng, được chia thành 30.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đến ngày lập báo cáo này là:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

14. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

c. Danh sách cổ đông góp vốn

	Tại ngày 31/12/09		Tại ngày 31/12/08	
	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP
- Cổ đông sáng lập	87%	26.100.000	98,00%	29.400.000
Ông Nguyễn Văn Cự	32,87%	9.860.905	32,87%	9.860.905
Ông Lê Hữu Phú	14,30%	4.289.095	14,30%	4.289.095
Bà Phan Thị Yên Hà	14,35%	4.305.000	20,25%	6.075.000
Ông Huỳnh Văn Thọ	13,90%	4.170.000	19,90%	5.970.000
Công ty TNHH Xe máy Đô Thành	9,33%	2.800.000	9,33%	2.800.000
Ông Trần Tiến Minh	2,25%	675.000	1,35%	405.000
- Các cổ đông khác	13%	3.900.000	2,00%	600.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	11,00%	3.300.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	2,00%	600.000	2,00%	600.000
	100%	30.000.000	100,00%	30.000.000

15. Doanh thu

	Năm 2009	Năm 2008
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán, góp vốn	25.362.638.825	38.981.020.000
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	10.464.964.372	1.298.604.929
Doanh thu hoạt động tư vấn	315.500.000	-
Doanh thu lãi tiền gửi	3.374.826.068	4.787.033.690
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán kinh doanh	-	867.335.500
Doanh thu nhận cổ tức	2.520.434.250	848.325.000
Doanh thu tạm ứng tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư	1.553.473.613	-
Doanh thu quản lý sổ cổ đông	125.219.300	-
Doanh thu khác	936.628.178	304.068.464
	44.653.684.606	47.086.387.583

16. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Năm 2009
Chi phí nhân viên	3.342.471.127
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.123.242.180
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	1.001.279.411
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán kinh doanh	(8.302.495.380)
Chi phí lãi vay	1.748.967.237
Chi phí khác	156.819.299
	70.283.874

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

	Năm 2009	Năm 2008
17. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	2.696.788.143	2.122.078.251
Dụng cụ văn phòng	629.096.010	696.966.852
Khấu hao TSCĐ	4.318.761.358	2.346.725.946
Chi phí thuê văn phòng	2.110.156.800	2.064.558.200
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	670.495.734	452.107.539
Chi phí trước hoạt động	194.352.120	194.352.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.198.108.407	1.855.310.057
Chi phí bằng tiền khác	1.497.567.274	1.587.197.699
Chi phí khác	332.551.815	50.322.530
	14.647.877.661	11.369.619.194
18. Thu nhập khác		
Thu nhập từ tiền góp vốn thừa của cổ đông góp vốn	-	2.709.635.000
Thu nhập từ chênh lệch giá mua căn hộ Hoàng Anh Gia Lai	-	1.362.338.000
Nhận hỗ trợ chi phí	258.976.667	5.648.254.745
Các khoản thu nhập khác	492.185.633	-
	751.162.300	9.720.227.745

VII Các thông tin khác

1. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Ngân hàng Nam Á	Bên liên quan	Vay ngắn hạn	10.000.000.000

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Ngân hàng Nam Á	Bên liên quan	Nợ vay	10.000.000.000

2. Nghiệp vụ kinh doanh

Theo Công văn số 990/UBCK-QLKD ngày 27/5/2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu dừng ký mới hợp đồng giao dịch kỳ hạn. Trong năm 2009, Công ty đã gia hạn một số hợp đồng giao dịch kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



Lê Huyền Trân

Kế toán trưởng

Ngày 12 tháng 02 năm 2010



Nguyễn Văn Thiên

Tổng Giám đốc

